

4-929

[Sections 47-10-9 and 47-8-46 NMSA 1978]
[Mục 47-10-9 and 47-8-46 NMSA 1978]

STATE OF NEW MEXICO
TIỂU BANG NEW MEXICO

_____ COURT

TÒA

_____ COUNTY

QUẬN/HẠT

No./Số hồ sơ_____.

_____,
Plaintiff/Nguyên đơn

v./chống lại

_____,
Defendant/Bị đơn

WRIT OF RESTITUTION
LỆNH THI HÀNH ÁN TRỰC XUẤT
(Mobile Home Park Act)
(Đạo luật về Khu nhà Di động)

THE STATE OF NEW MEXICO to the sheriff or a full-time salaried deputy sheriff of the above county:/TIỂU BANG NEW MEXICO gửi đến cảnh sát trưởng hoặc sỹ quan cảnh sát được trả lương toàn thời gian của quận/hạt ở trên:

Judgment having been entered for the plaintiff, you are ordered to remove the tenant and to take possession of the following mobile home on or before ___ (date)¹:/Phán quyết đã được đưa ra cho nguyên đơn, quý vị được lệnh trực xuất người thuê nhà và tịch thu căn nhà di động sau đây trễ nhất là _____ (ngày)¹:

_____ (name of mobile home park)/(tên khu nhà di động)

_____ (mobile home address)/(địa chỉ căn nhà di động)

_____ (mobile home lot or space)/

(bãi hoặc chỗ nhà di động)

_____, New Mexico/Tiểu bang New Mexico _____

for the purpose of storage./cho mục đích bảo quản.

You are ordered to return this writ to this court by/Quý vị được lệnh nộp lại lệnh này cho tòa trước ngày_____.

Dated/Ngày: _____, _____, _____
Judge/Thẩm phán

RETURN ON WRIT OF RESTITUTION²
NỘP LẠI LỆNH THI HÀNH ÁN TRỰC XUẤT²

I certify that I carried out this writ of restitution by removing the defendant from the mobile home located at _____ and restoring possession of the premises to _____ on _____, _____ at _____ (a.m.) (p.m.). The mobile home is now located at _____ (address)./Tôi xác nhận rằng tôi đã thực hiện lệnh thi hành án trực xuất này bằng cách trực xuất bị đơn ra khỏi căn nhà di động tọa lạc tại _____ và trao trả các cơ sở cho _____ vào ngày _____, _____ lúc _____ giờ (sáng)(chiều). Căn nhà di động nay đang nằm tại _____ (địa chỉ).

Date of return/Ngày giao nộp: _____

Sheriff of County/
Cảnh sát trưởng quận/hạt

State of New Mexico/
Tiểu bang New Mexico

By/Bởi _____
Sheriff or deputy sheriff/
Cảnh sát trưởng hoặc
sỹ quan cảnh sát quận/hạt

USE NOTE
LƯU Ý SỬ DỤNG

1. See Section 47-8-46 for service of the writ of restitution./Tham khảo Mục 47-8-46 cho việc tổng đạt lệnh thi hành án trực xuất.
2. The sheriff is obligated by law to make timely return./Cảnh sát trưởng có nghĩa vụ nộp lại đúng lúc theo luật định.

[Adopted effective September 2, 1997; as amended, effective January 1, 1999.]
[Được thông qua và có hiệu lực vào ngày 2 tháng Chín, 1997; được chỉnh sửa và có hiệu lực vào ngày 1 tháng Một, 1999.]